

KẾ HOẠCH VAY VÀ TRẢ NỢ NGÂN SÁCH TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM...

(Dùng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng.

ST T	Nội dung	Thực hiện năm ...(năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)			Năm ...(năm kế hoạch)	
			Dự toán	Ước thực hiện	So sánh Ước thực hiện/Dự toán năm hiện hành (%)	Dự toán	So sánh Dự toán năm kế hoạch/ Ước thực hiện năm hiện hành (%)
A	B	1	2	3	4	5	6
A	MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP						
B	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC						
C	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC						
I	Tổng dư nợ đầu năm						
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)						
1	Trái phiếu chính quyền địa phương						
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)						
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật						

II	Trả nợ gốc vay trong năm						
1	Nợ gốc phải trả phân theo nguồn vay						
-	Trái phiếu chính quyền địa phương						
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước						
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật						
2	Nguồn trả nợ						
-	Từ nguồn vay						
-	Thu ngân sách địa phương bố trí trong dự toán để trả nợ gốc						
-	Tăng thu, dự toán chi còn lại						
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh						
III	Tổng mức vay trong năm						
1	Theo mục đích vay						
-	Vay bù đắp bội chi						
-	Vay trả nợ gốc						
2	Theo nguồn vay						
-	Trái phiếu chính quyền địa phương						
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước						
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật						
IV	Tổng dư nợ cuối năm						

	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>						
1	Trái phiếu chính quyền địa phương						
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)						
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật						
D	Trả nợ lãi, phí						

Ghi chú: (1) Chi tiết theo từng dự án.

....., ngày... tháng... năm...
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)